

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

SỰ PHÁT TRIỂN NGŨ NGHĨA CỦA TỪ *NHÀ* TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TỪ *JIP*(집) TRONG TIẾNG HÀN TỪ GÓC NHÌN CỦA LÝ THUYẾT NGHIỆM THÂN VÀ SƠ ĐỒ TỎA TIA

HOÀNG PHAN THANH NGÀ*

TÓM TẮT: Bài viết này nghiên cứu sự phát triển nghĩa của từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip*(집) trong tiếng Hàn từ góc nhìn của lý thuyết nghiệm thân và sơ đồ tỏa tia. Theo ngôn ngữ học tri nhận, ngữ nghĩa không phải là thuộc tính vốn có của từ hoặc câu, mà là sản phẩm của sự trải nghiệm cơ thể, sự tương tác của con người trong không gian, tự nhiên - xã hội và chịu sự chi phối của các giá trị văn hóa. Thông qua các dữ liệu thu thập được từ từ điển, ngữ liệu báo chí, diễn ngôn đời sống, nghiên cứu tập trung vào việc giải thích sự phát triển ngữ nghĩa của từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip* trong tiếng Hàn trên cơ sở của lý thuyết nghiệm thân và mô hình hóa quá trình phát triển ngữ nghĩa đó thông qua mạng lưới của sơ đồ phạm trù tỏa tia. Kết quả cho thấy hai phạm trù này có nhiều điểm tương đồng trong quá trình phát triển ngữ nghĩa, tiêu biểu như sự hình thành của các ý niệm: [KHÔNG GIAN AN TOÀN RIÊNG TƯ LÀ NHÀ/JIP], [NHÀ/JIP ĐẠI DIỆN CHO GIA ĐÌNH], [NHÀ/JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH], [NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA MỘT LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN LÀ NHÀ/JIP], v.v. Bên cạnh đó, mỗi ngôn ngữ đều thể hiện những hướng mở rộng nghĩa mang tính đặc thù riêng như: [NHÀ ĐẠI DIỆN CHO TRIỀU ĐẠI] trong tiếng Việt, hay [NHÀ ĐẠI DIỆN CHO KHÔNG GIAN BUÔN BÁN],... trong tiếng Hàn. Những điểm tương đồng và khác biệt này cho thấy tính phổ quát của trải nghiệm nghiệm thân trong quá trình hình thành ý niệm, đồng thời phản ánh vai trò của đặc trưng văn hóa - xã hội trong sự phát triển ngữ nghĩa ở mỗi ngôn ngữ.

TỪ KHÓA: Ngữ nghĩa; lý thuyết nghiệm thân; sơ đồ tỏa tia; “nhà”; “jip(집)”.

NHẬN BÀI: 11/12/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 19/05/2026

1. Dẫn nhập

“Nhà” không đơn thuần chỉ là một công trình kiến trúc vật lý mà còn là một thực thể văn hóa - xã hội, nơi lưu giữ những giá trị tinh thần và cảm thức thuộc về của con người. Trong tâm thức các dân tộc tại khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam và Hàn Quốc, ý niệm về *nhà* mang nhiều nét đặc sắc, gắn liền với truyền thống gia đình, những quy phạm xã hội chịu ảnh hưởng từ tư tưởng Nho giáo. Dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận, ngôn ngữ là sự phản chiếu của tư duy và trải nghiệm của con người đối với thế giới xung quanh. Bằng lý thuyết nghiệm thân và sơ đồ tỏa tia, chúng tôi phân tích sự mở rộng ngữ nghĩa của từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip*(집) trong tiếng Hàn nhằm làm rõ cơ chế hình thành các ý niệm, đồng thời tìm hiểu sự tương đồng và khác biệt trong cách thức mã hóa của hai ngôn ngữ.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip* trong tiếng Hàn là những đơn vị từ vựng mang tính đa nghĩa cao, phản ánh tính phong phú trong trải nghiệm sống, cấu trúc văn hóa và cơ chế tri nhận của con người. Tại Việt Nam, Mai Thị Ngọc Anh (2014) đã chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt của từ “nhà” (家) trong tiếng Hán và tiếng Việt, làm sáng tỏ các hàm ý văn hóa biểu trưng trong các biểu thức ngôn ngữ có chứa “nhà” (家). Bên cạnh đó, Trần Tịnh Vy (2022) đã tiếp cận đơn vị ngôn ngữ “nhà” dưới góc nhìn của xã hội học, cụ thể là mối quan hệ giữa “nhà” với các đặc điểm di trú, khẳng định “nhà” không chỉ là nơi cư trú vật lý mà còn là không gian kiến tạo bản sắc và căn tính của con người. Gần đây, Đặng Thị Hào Tâm và Tan Yuhui (2025) đã phân tích cấu trúc ý niệm 家 (nhà) trong tiếng

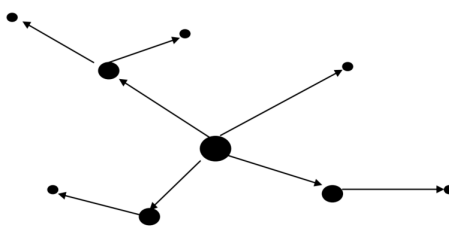
*TS; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
Email: hptnga@gmail.com

Trung từ góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, làm rõ vai trò của trải nghiệm thân thể, cấu trúc tầng bậc và cơ chế kích hoạt nét nghĩa trong sự hình thành và phát triển ý niệm 家 (nhà). Tại Hàn Quốc, chúng tôi đã tìm thấy một số nghiên cứu về *jip* (집) như nghiên cứu của Shin Hyeon Suk (1995), tập trung chủ yếu vào cấu tạo ngữ nghĩa và sự mở rộng nghĩa của danh từ này dưới góc nhìn của ngữ pháp tri nhận. Như vậy, mặc dù đã có một số các nghiên cứu về *nhà*, *gia* trong tiếng Việt và tiếng Trung, hay *jip* trong tiếng Hàn dưới các góc nhìn khác nhau, nhưng chưa có công trình nào tiến hành nghiên cứu sự phát triển ngữ nghĩa của từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip* trong tiếng Hàn từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận để làm rõ vai trò của nghiệm thân và yếu tố văn hóa trong quá trình mở rộng ý niệm.

3. Cơ sở lý thuyết

Quan điểm nghiệm thân (embodiment) của ngôn ngữ học được phát triển dựa trên cơ sở của triết học nghiệm thân, là một khái niệm quan trọng trong ngôn ngữ học tri nhận (NNHTN). Trong “*Metaphors we live by*”, Lakoff & Johnson đã chỉ ra cách thức của quá trình cấu trúc hóa ẩn dụ như là một dạng thức đầu tiên của giả thuyết nghiệm thân: “*chúng ta có khuynh hướng cấu trúc những ý niệm ít cụ thể và vốn mơ hồ hơn (ví dụ như ý niệm cảm xúc) thông qua những ý niệm cụ thể hơn, những ý niệm được phác họa rõ nét trong kinh nghiệm của chúng ta*” (1980, tr.112). Trong nghiên cứu “*Cognitive Linguistics: An introduction*”, Evans & Green đã xác định nghiệm thân là luận điểm cốt lõi của NNHTN: “*cấu trúc khái niệm trong tâm trí con người là kết quả của việc cơ thể mang tính đặc thù loài của chúng ta, tương tác với môi trường mà chúng ta sinh sống*” (2006, tr.50). Như vậy, các ý niệm được hình thành trên cơ sở của sự trải nghiệm, nhất là trải nghiệm từ cơ thể con người, trải nghiệm có được từ sự tương tác của con người với thế giới xung quanh. Điều này sẽ quyết định phương thức con người hiểu biết về thế giới. Nói cách khác, tri nhận của con người phải được hiểu qua tính nghiệm thân.

Khái niệm tỏa tia (radiality) được Evan & Green đề cập trong “*Cognitive linguistics: An introduction*”: “*một phạm trù tỏa tia là một phạm trù khái niệm trong đó phạm vi các khái niệm được tổ chức xoay quanh một khái niệm trung tâm hoặc điển hình*” (2006, tr.331). Điều này có nghĩa rằng các phạm trù từ vựng có cấu trúc nội tại là các nghĩa mang tính điển hình cao thì gần hơn với nguyên mẫu ở trung tâm, trong khi đó những nghĩa kém điển hình hơn thì xa hơn và nằm ở ngoại vi. Sơ đồ phạm trù tỏa tia sẽ giúp chúng ta nhìn nhận được một cách khách quan về sự vận động và phát triển ngữ nghĩa của từ vựng. Evans và Green (2006) đã mô hình hóa phạm trù tỏa tia dưới dạng lưới như sau.



Hình 1. Sơ đồ mô hình hóa phạm trù tỏa tia (sơ đồ tỏa tia)

4. Phương pháp nghiên cứu và nguồn ngữ liệu

Trong phạm vi nghiên cứu này, đối tượng khảo sát trọng tâm là từ “*nhà*” trong tiếng Việt và từ “*jip*” trong tiếng Hàn. Tuy nhiên, do tồn tại mối liên hệ ngữ nghĩa chặt chẽ giữa “*nhà*” với yếu tố “*gia* (家)” trong tiếng Việt, giữa “*jip*” và yếu tố “*ga* (가-家)” trong tiếng Hàn trong quá trình phát triển nghĩa, vì vậy nghiên cứu đồng thời xem xét một số trường hợp có liên quan nhằm làm rõ hơn mạng lưới mở rộng ý niệm của các phạm trù này. Trong bài viết, từ “*nhà*” được sử dụng như một các quy ước để chỉ nhóm gồm: từ “*nhà*” và yếu tố “*gia*” trong tiếng Việt, còn từ “*jip*” được dùng để chỉ nhóm gồm: từ “*jip* (집)” và yếu tố “*ga* (가)” trong tiếng Hàn.

Để đáp ứng nội dung nghiên cứu về sự phát triển nghĩa của từ *nhà* dưới góc nhìn của lý thuyết nghiệm thân và sơ đồ phạm trù tỏa tia trong ngữ nghĩa học tri nhận, chúng tôi tiến hành khảo sát các

nét nghĩa của từ “nhà” trong “*Từ điển tiếng Việt*” (Hoàng Phê, 2011), yếu tố “gia” trong “*Hán Việt từ điển*” (Đào Duy Anh, 2005) và nét nghĩa của từ “jip” và yếu tố “ga” trong “*Đại từ điển quốc ngữ Hàn Quốc*” (Viện Ngôn ngữ Quốc gia Hàn Quốc). Trên cơ sở các dữ liệu khảo sát được, bằng phương pháp phân tích - miêu tả ngữ nghĩa kết hợp với thống kê - phân loại, chúng tôi xác lập nghĩa trọng tâm của từ *nhà* và nghĩa trọng tâm của từ *jip* sử dụng lý thuyết nghiệm thân để giải thích sự mở rộng và phát triển nghĩa của 2 nhóm từ này, từ đây xác lập ý niệm mới hình thành trên cơ sở nghiệm thân. Và chúng tôi xây dựng mô hình phát triển nghĩa của các từ thuộc từ *nhà* và từ *jip* bằng sơ đồ phạm trù tòa tia. Cuối cùng, bằng phương pháp so sánh đối chiếu, chúng tôi xác định các ý niệm tương đồng và khác biệt được xem là kết quả của quá trình con người tri nhận về thế giới xung quanh thông qua trải nghiệm hiện thân.

5. Kết quả và bàn luận

5.1. Ngữ nghĩa của nhà trong tiếng Việt và jip trong tiếng Hàn

5.1.1. Ngữ nghĩa của nhà trong tiếng Việt

Theo “*Từ điển tiếng Việt*” (Hoàng phê, 2011), từ “nhà” trong tiếng Việt có hệ thống nghĩa khá đa dạng, có thể quy về một số nhóm nghĩa chính như: “công trình xây dựng” (*nhà ngói*), “nơi cư trú của con người”, “gia đình” (*nhà có 3 người*), “dòng họ, triều đại” (*nhà Nguyễn*), “cách xưng hô về vợ và chồng” (*nhà tôi*), “những gì thuộc về mình” (*gà nhà*), “người chuyên một nghề nhất định” (*nhà báo*), “tổ chức xã hội” (*nhà xuất bản*). Bên cạnh đó, trong “*Hán Việt từ điển*” (Đào Duy Anh, 2005) yếu tố “gia(家)” mang các nét nghĩa liên quan đến “gia đình” (*gia cảnh*), “người có chuyên môn” (*chính trị gia*), “cách gọi mang tính tôn xưng trong gia tộc” (*gia huynh*).

5.1.2. Ngữ nghĩa của jip trong tiếng Hàn

Theo “*Đại từ điển quốc ngữ Hàn Quốc*” thì từ “jip” trong tiếng Hàn trước hết mang nghĩa “công trình xây dựng” (집을 짓다-xây nhà), “không gian cư trú của con người”. Từ đây, nghĩa của từ “jip” tiếp tục được mở rộng sang: “gia đình”, “vật chứa đựng”, “một số ý nghĩa chuyên biệt trong trò chơi cờ vây”, “từ xưng hô khi nói về vợ hoặc chồng mình”, và “không gian buôn bán”. Trong khi đó, yếu tố “ga(가-家) chủ yếu xuất hiện với vai trò hậu tố, biểu thị “người có chuyên môn” (예술가-người làm nghệ thuật), “người sở hữu đặc tính” (대식가-người ăn nhiều), “người sở hữu nhiều tài sản” (재력가-người giàu có) hoặc các ý nghĩa liên quan đến “dòng họ, gia tộc” (명문가-gia đình danh gia vọng tộc).

5.1.3. Nghĩa trọng tâm của từ nhà và từ jip

Theo Evans & Green, “đa nghĩa là hiện tượng khi mà một hạng mục từ vựng thường được liên hệ với hai hoặc hơn hai nghĩa có liên quan với nhau theo một cách nào đó” và “hiện tượng đa nghĩa phản ánh cơ cấu tổ chức ý niệm và nó tồn tại ở cấp độ biểu hiện tinh thần chứ không phải là hiện tượng mang tính bề mặt thuần túy” (2006, tr.329-330). Như vậy, từ *nhà*, từ *jip* đều là những từ đa nghĩa với một nghĩa là điển mẫu (prototype) mang tính trọng tâm hơn và các nghĩa nằm ở ngoại vi trong phạm trù ngữ nghĩa. Việc xác định nghĩa trọng tâm của từ và xác định điển mẫu của phạm trù là việc quan trọng đầu tiên nhằm xác lập điểm khởi đầu của quá trình tri nhận, lý giải được quá trình phát triển nghĩa của từ và khẳng định được rằng trải nghiệm hiện thân là yếu tố then chốt trong việc phạm trù hóa khái niệm và hình thành các ý niệm.

Nếu quan sát các nghĩa của từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip* trong tiếng Hàn, chúng ta có thể phân loại nghĩa thành 2 nhóm lớn như sau.

(1) NHÀ, JIP = CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG + CON NGƯỜI

Vậy trong hai nghĩa lớn là: “công trình xây dựng” và “con người”, đâu sẽ là nghĩa trọng tâm và sẽ là điển mẫu trong phạm trù *nhà* và phạm trù *jip*. Để làm sáng tỏ điều này, chúng tôi diễn giải các nét nghĩa theo cách sau.

(2)

a. Đi về nhà, 집에 간다(đi về nhà)

→ đi về [công trình xây dựng]

- b. Nhà hàng, 빵집 (*tiệm bánh*) → đi đến [công trình xây dựng] - nơi có bán hàng hóa (thức ăn)/ bánh.
- c. Nhà xuất bản, nhà trường → [công trình xây dựng] - nơi diễn ra một hoạt động đặc thù riêng: xuất bản, dạy và học.
- d. Trâu nhà, 집토끼(*thỏ nhà*) → vật nuôi trong [công trình xây dựng]
- e. Nhớ nhà, 집이 그리다(*nhớ nhà*) → nhớ [con người] sống trong [công trình xây dựng]
- f. Bà nhà, 우리 집에서(*bà nhà*) → [con người] sống cùng trong [công trình xây dựng]
- g. Nhà ngoại gia, 외교가(*nhà ngoại giao*) → [con người] tiêu biểu trong một [lĩnh vực]

Nếu nhìn vào (2), chúng ta có thể thấy [công trình xây dựng] xuất hiện hầu như ở mọi biểu thức ngôn ngữ, chiếm đa số so với [con người]. Và ngay cả trong biểu thức ngôn ngữ ở (2)g, [công trình xây dựng] vẫn là điểm khởi đầu cho quá trình phát triển nghĩa của “nhà ngoại giao”, “nhà chính trị”, “nhà báo”, “nhà thơ”,... Chúng tôi sẽ làm sáng tỏ vấn đề này ở phần sau trong bài viết. Như vậy, chúng tôi xác định ‘công trình xây dựng’ là nghĩa trọng tâm của từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip* trong tiếng Hàn.

5.2. Nghiệm thân trong sự phát triển ngữ nghĩa của từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip* trong tiếng Hàn

Ở phần trên, chúng tôi đã xác định nghĩa trọng tâm của *nhà* và *jip* là: “Công trình xây dựng có mái, có tường vách” và các nghĩa còn lại là kết quả của sự mở rộng, phát triển nghĩa của *nhà*, *jip*. Sự phát triển nghĩa của *nhà*, *jip* không phải là sự mở rộng một cách máy móc hay ngẫu nhiên và vô đoán. Ở phần này, bằng lý thuyết nghiệm thân của NNHTN, chúng tôi chứng minh sự mở rộng, phát triển nghĩa của *nhà*, *jip* là quá trình của trải nghiệm mang tính tương tác giữa cá thể với cá thể, cá thể với tự nhiên, xã hội và chịu ảnh hưởng của các giá trị văn hóa mà con người đang sống để hình thành nên những mô hình tri nhận, phạm trù hóa các khái niệm, từ đó cấu trúc thành ý niệm và hình thành nên ngôn ngữ.

Bằng các trải nghiệm hiện thân liên tục, những tương tác của con người với tự nhiên và xã hội được lặp đi lặp lại, thông qua cơ chế tri nhận ẩn dụ và hoán dụ, con người ý thức được những điểm tương đồng và những điểm tương cận giữa một ý niệm thân thuộc của *nhà*, *jip* với những ý niệm trừu tượng hơn. Và từ đó, con người gọi tên những ý niệm trừu tượng hơn như: [gia đình], [gia tộc], [chuyên gia], [sở hữu, thuộc về], [tổ chức xã hội], [không gian buôn bán],... bằng chính ý niệm ban đầu của *nhà*, *jip* [công trình xây dựng].

5.2.1. Cơ sở nghiệm thân cho sự phát triển ngữ nghĩa của từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip* trong tiếng Hàn

(1) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [KHÔNG GIAN AN TOÀN, RIÊNG TƯ LÀ NHÀ/JIP]

Bắt nguồn từ nhận thức cơ bản cho rằng *nhà*, *jip* là “những công trình xây dựng có mái, có tường vách”, con người trải qua quá trình sinh sống lâu dài trong đó, tránh được gió mưa, bão táp, có thể sinh hoạt cá nhân và duy trì các hoạt động cơ bản của sự sinh tồn: ăn, ngủ. Từ một VẬT CHỨA (CONTAINER) VẬT LÍ, *nhà*, *jip* trở thành nơi trú ngụ thân thuộc, đảm bảo sự an toàn và sự riêng tư của con người khi tách ra khỏi sự giám sát của xã hội bên ngoài. Từ đó, chúng ta có ẩn dụ tri nhận [KHÔNG GIAN TRÚ NGỰ AN TOÀN, RIÊNG TƯ LÀ NHÀ/JIP]. Có thể dễ dàng tìm thấy những biểu thức ngôn ngữ như:

- “Nhà là chốn bình yên”
- “Hạnh phúc khi có nhà để trở về”

- “남자는 집이 없이 이곳저곳을 떠돌며 지냈다.(Người thanh niên ấy không có nhà để về nên sống nay đây mai đó.)”
- “집에 가면 마음이 편해진다.(trở về nhà thấy bình yên.)”

(2) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [NHÀ/JIP ĐẠI DIỆN CHO GIA ĐÌNH]

Từ trải nghiệm sinh hoạt cư trú của những người cùng chung huyết thống trong cùng một công trình xây dựng mà chúng ta gọi là *nhà*, *jip*, tư duy con người dần chuyển dịch từ “ngôi nhà” sang “mái ấm”. Quá trình này đánh dấu sự chuyển dịch ý niệm từ VẬT CHỨA VẬT LÍ sang một CỘNG ĐỒNG chung huyết thống cùng trú ngụ trong VẬT CHỨA VẬT LÍ - NHÀ. Và dưới sự chi phối của cơ chế hoán dụ VẬT CHỨA ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI Ở TRONG VẬT CHỨA, *nhà*, *jip* không chỉ dùng để nói về công trình xây dựng thuần túy mà còn được quy chiếu sang ý niệm hoán dụ về đơn vị xã hội thu nhỏ - gia đình: [NHÀ ĐẠI DIỆN CHO GIA ĐÌNH]. Từ đó, chúng ta có những biểu thức ngôn ngữ như:

- “Lòng quê dợn dợn vời con nước, không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà (Tràng Giang, Huy Cận)”
- “Bố ở chiến khu, bố còn việc bố / Mày có viết thư chớ kể này kể nọ / Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!” (Bếp lửa, Hoàng Việt)
- “Nhớ nhà châm điều thuốc, khói huyền bay lên cây...” (Chiều, Hồ Dzếch)
- “그녀는 가난한 집 딸이였다.(Cô gái ấy là con gái nhà nghèo.)”

(3) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [NHÀ/ JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI BẠN ĐỜI]

Chúng ta tiếp nhận một cách tự nhiên những quan niệm như: “*nhà là mái ấm*”, “*nhà là chốn đi về*”, “*nhà là chốn nương tựa*”, xem đó như là điều hiển nhiên trong đời sống và chúng ta sử dụng *nhà*, *jip* một cách tự nhiên, không gượng ép. Tuy nhiên, nhận thức và tư duy của con người không phải bỗng nhiên mà có và không mang tính bẩm sinh mà đó là kết quả của quá trình nghiệm thân lặp đi lặp lại của con người trong sự tương tác với không gian cư trú: cơ thể cảm nhận về sự bình an khi ở trong nhà, tìm thấy sự gắn bó, che chở và bình yên khi sinh sống cùng những thành viên trong nhà. Nhà – từ một “công trình xây dựng” trở thành một “không gian tinh thần”. Trong quá trình trải nghiệm hiện thân liên tục đó, con người mở rộng nhận thức và xem người bạn đời cũng chính là “ngôi nhà sống”, là nơi trú ngụ về mặt tinh thần. Vì vậy, những biểu thức ngôn ngữ như:

- “Nhà tôi đi vắng”
- “Đãi khách, nhà tôi thường đãi món...”
- “이따가 우리 집에서 전화 오면 5시 이후에 다시 걸라고 전해 주세요.(Tí nữa nhà tôi có gọi điện thoại đến thì hãy chuyển lời giúp tôi là hãy gọi lại sau 5 giờ nhé.)”

Các ví dụ này cho thấy *nhà*, *jip* không chỉ nói đến một “công trình xây dựng”, mà đại diện trực tiếp cho “người bạn đời”. Hiện tượng này được giải thích bằng cơ chế hoán dụ tri nhận VẬT CHỨA ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI Ở TRONG VẬT CHỨA, dẫn đến sự hình thành của ý niệm [NHÀ ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI BẠN ĐỜI], góp phần mở rộng mạng lưới ngữ nghĩa của *nhà*, *jip*.

(4) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA MỘT LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN LÀ NHÀ/JIP], [NHÀ/JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI CHUYÊN LÀM MỘT NGHỀ NGHIỆP]

Chúng ta thường xuyên sử dụng các biểu thức ngôn ngữ như: “*nhà ngoại giao(외교가)*”, “*nhà chính trị(정치가)*”, “*nhà kiến trúc(건축가)*”,... trong cả tiếng Việt và tiếng Hàn. Rõ ràng, đã có một kinh nghiệm nào đó được cấu trúc lại dựa trên một kinh nghiệm nền tảng vốn có là: *nhà – công trình xây dựng*. Quá trình này không đơn thuần là sự lặp lại cơ học của một trải nghiệm hiện thân đơn nhất, mà là sự tích tụ - khuếch đại trải nghiệm theo mô hình xoắn ốc, trong đó mỗi vòng trải nghiệm làm sâu thêm mức độ trừ tượng hóa của nhận thức, mở rộng khả năng tư duy từ miền kinh nghiệm cảm giác cụ thể sang miền khái niệm phức tạp hơn. Trên nền tảng đó, chúng ta xác lập được một chuỗi của các trải nghiệm hiện thân như sau: NHÀ: VẬT CHỨA (vật thể) - KHÔNG GIAN - LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN (trừu tượng) - NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN. Việc hình

thành nên ý niệm [NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN LÀ NHÀ/JIP] diễn ra dựa trên 2 cơ chế: ẩn dụ tri nhận và hoán dụ tri nhận. Từ sự nhận thức về điểm tương đồng của VẬT CHỨA - không gian vật lí và LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN - không gian chuyên môn, sự nghiêm thân tiếp tục giúp con người tư duy về điểm tương cận của LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN và NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN.

Mô hình tri nhận dựa trên phương thức trải nghiệm nêu trên cũng có thể chứng minh cho sự hình thành của ý niệm [NHÀ ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI CHUYÊN LÀM MỘT NGHỀ NGHIỆP] như: *nhà báo, nhà văn, nhà thơ, 번역가 (nhà biên dịch), 통사가 (nhà phiên dịch), 사업가 (nhà kinh doanh),...*

(5) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [MIỀN SỞ HỮU, THUỘC VỀ LÀ NHÀ/JIP]

Chúng ta vạch ra ranh giới của cái chung và cái riêng, cộng đồng và cá nhân bằng cách gọi những gì thuộc về bản thân mình là *nhà* ví dụ như: “*gà nhà*”, “*rau vườn nhà*”, “*Đây là cháu lớn nhà em*”, “*집 돼지 (lợn nhà)*”, “*집 토끼 (thỏ nhà)*”,... Từ sự hiểu biết rằng *nhà* là VẬT CHỨA, tức là có “bên trong” và “bên ngoài”. Những gì ở “bên trong” VẬT CHỨA được hiểu như thứ mà VẬT CHỨA đó sở hữu. Chúng ta có thể thấy được rằng con người tư duy về ý niệm trừu tượng SỞ HỮU thông qua chính trải nghiệm cơ thể trong quá trình sinh hoạt tại nhà.

5.2.2. Cơ sở nghiệm thân cho sự phát triển ngữ nghĩa của từ *nhà* trong tiếng Việt

(6) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [TỔ CHỨC LÀ NHÀ]

Trải nghiệm cơ thể của con người gắn liền với sự sinh sống trong nhóm thân tộc cùng cư trú dưới một mái nhà - nơi diễn ra các hoạt động ăn, ở, lao động, chia sẻ nguồn lực và bảo vệ lẫn nhau. Từ sự lặp lại thường xuyên của những tương tác giữa cá nhân với những người trong một nhà như nuôi dạy con cái, chăm sóc người già, phân công lao động, duy trì lễ nghi trật tự trên dưới..., *nhà* được phóng chiếu sang một ý niệm lớn hơn, đó là “tổ chức xã hội”. Ẩn dụ tri nhận [TỔ CHỨC LÀ NHÀ] đã cho phép con người mở rộng các ý niệm, hình thành các trường từ vựng mới như: *nhà trường, nhà nước, nhà xuất bản, nhà in,...* Trong mô hình tổ chức này, con người - bằng trải nghiệm vốn có trong không gian sinh hoạt là *nhà* - trở thành “thành viên” của tổ chức, quan hệ huyết thống được phóng chiếu thành “quan hệ tổ chức”, uy quyền gia trưởng được phóng chiếu sang “vai trò lãnh đạo của tổ chức”, các chuẩn mực sinh hoạt trong *nhà* được ánh xạ thành quy tắc “vận hành tập thể”.

(7) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [NHÀ ĐẠI DIỆN CHO TRIỀU ĐẠI CÀM QUYỀN]

Ý niệm [NHÀ ĐẠI DIỆN CHO TRIỀU ĐẠI CÀM QUYỀN] bắt nguồn từ trải nghiệm của cá nhân trong một không gian của gia tộc, nơi con người chứng kiến sự kế tục mang tính huyết thống: cha truyền con nối vị trí gia trưởng, gìn giữ của cải, thừa kế của cải, danh phận và quyền điều hành gia tộc. Trong quá trình trải nghiệm hiện thân đó, con người hình thành các ý niệm như: [LÃNH THỔ LÀ NHÀ], [QUỐC GIA LÀ NHÀ], [QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ LÀ GIA TRƯỞNG], [THÂN DÂN LÀ THÀNH VIÊN TRONG NHÀ]. Với nền tảng cơ sở là các ẩn dụ ý niệm nêu trên, thông qua cơ chế hoán dụ, con người tiếp tục phóng chiếu *nhà* lên miền ý niệm mới [TRIỀU ĐẠI CÀM QUYỀN], cho phép hình thành các biểu hiện: *nhà Lí, nhà Trần, nhà Nguyễn,...*

5.2.3. Cơ sở nghiệm thân cho sự phát triển ngữ nghĩa của từ *jip* trong tiếng Hàn

(8) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [VẬT CHỨA LÀ JIP]

Trong sự hình thành ý niệm [VẬT CHỨA LÀ JIP], nghiệm thân đóng vai trò nền tảng trực tiếp và rõ nét nhất. Có thể xem sự nghiệm thân này là trải nghiệm đầu tiên trong vòng tròn xoắn ốc của các trải nghiệm hiện thân liên tục diễn ra, giúp con người hình thành các tri nhận mới về những ý niệm mới trong đời sống. Trải nghiệm của cơ thể con người như “đi vào”, “đi ra”, “sinh hoạt”, “đồng cư”, “trú ngụ”,... đều diễn ra trong một không gian khép kín - *jip*. Con người nhận thức được ranh giới giữa ‘bên trong’ và ‘bên ngoài’, nhận thức được điểm tương đồng giữa ý niệm về *jip* và sự ‘chứa đựng’, từ đó quy chiếu *jip* sang một ý niệm khác là [VẬT CHỨA]. Đây được xem là căn cứ để hình thành các biểu thức ngôn ngữ như: *칼 집 (hộp đựng dao kiếm), 안경 집 (hộp đựng kính mắt), 물 집 (mụn nước), 모래 집 (màng ối),...*

(9) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [KHÔNG GIAN BUÔN BÁN LÀ JIP]

Tất cả những trải nghiệm vận động mà con người có được trong *jip* như: đi vào, đi ra, bên trong, bên ngoài, ranh giới, ăn, ngủ, nghỉ ngơi, trò chuyện, lao động, phân chia của cải,...; trải nghiệm thị giác: bờ tường, mái nhà, cửa ngõ,...; những trải nghiệm của cảm xúc như: an toàn, riêng tư,... đều đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành những ý niệm mới, giúp con người gọi tên những khái niệm mới một cách gần gũi, thân quen hơn. Trong quá trình nghiệm thân đó, thông qua cơ chế ẩn dụ, chúng ta tri nhận được [HOẠT ĐỘNG KINH TẾ LÀ SINH HOẠT TRONG JIP] và thông qua cơ chế hoán dụ, chúng ta có thể tư duy rằng [NƠI CHỖN ĐẠI DIỆN CHO HOẠT ĐỘNG BÊN TRONG NƠI CHỖN]. Chính nhờ quá trình nghiệm thân lặp đi lặp lại, đã hình thành nên trường từ vựng mới như: 빵 집 (tiệm bánh), 술 집 (quán rượu), 갈빗 집 (quán sườn nướng), 고기 집 (quán thịt), 꽃 집 (tiệm hoa), 피자 집 (tiệm bánh pizza),... trong tiếng Hàn.

(10) Nghiệm thân trong sự hình thành ý niệm [JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI CÓ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT], [JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI SỐ HỮU]

Sự hình thành của ý niệm [JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI CÓ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT], [JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI SỐ HỮU] không phải là kết quả của một sự trải nghiệm hiện thân đơn lẻ, mà đó là sản phẩm của sự tích lũy, giao thoa và tổng hòa của nhiều cung bậc trải nghiệm khác nhau của con người, diễn ra liên tục thông qua sự tương tác giữa con người với con người, con người với tự nhiên và xã hội. Trước tiên, từ nghiệm thân trong sinh hoạt cộng cư, *jip* từ không gian vật lý trở thành đơn vị xã hội thu nhỏ - *gia đình*, nơi các thành viên gắn kết với nhau về mặt huyết thống, tình cảm, cùng hoạt động, lao động và chia sẻ quyền lợi. Như vậy, mỗi nhà là mỗi “tập thể” mang trong mình những đặc trưng riêng biệt được cộng đồng nhận diện qua các thuộc tính nổi trội như ví dụ: “그 집은 주자예요. (nhà ấy giàu có lắm.)”, “그 집 애들은 공부 잘해요. (Con cái nhà ấy học hành giỏi giang.)”,... Trên nền của trải nghiệm hiện thân này, thông qua cơ chế hoán dụ kết hợp với những trải nghiệm mang tính bắc cầu từ chỗ [JIP ĐẠI DIỆN CHO TẬP THỂ RIÊNG BIỆT] sang [TẬP THỂ ĐẠI DIỆN CHO CÁ NHÂN NỔI BẬT]. Kết quả của chuỗi chuyển di ý niệm này là sự hình thành các biểu thức ngôn ngữ như: 대식가 (người ăn nhiều), 명망가 (người danh vọng), 자본가 (nhà tư bản), 재력가 (nhà tài lực), 장서가 (người có nhiều sách),... phản ánh quá trình mở rộng, phát triển nghĩa của *jip* dưới tác động tổng hợp của nghiệm thân cơ thể, nghiệm thân tự nhiên - xã hội, ẩn dụ tri nhận, hoán dụ tri nhận trong tư duy con người.

5.3. Sơ đồ phạm trù tỏa tia của nhà trong tiếng Việt và *jip* trong tiếng Hàn

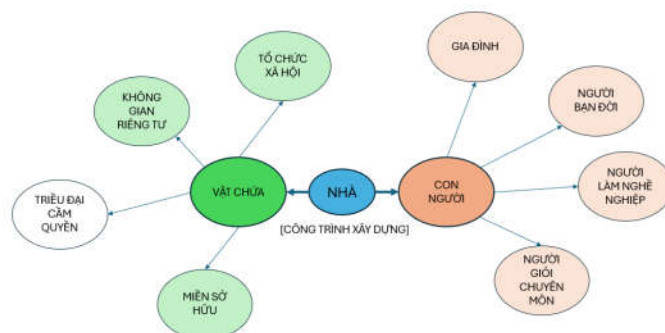
Nhận thức của con người là vô hạn, quá trình sống của con người là một quá trình liên tiếp của sự trải nghiệm, lĩnh hội, tư duy và tri nhận. Trong quá trình hình thành nên ngôn ngữ, con người dựa trên những trải nghiệm hiện thân của mình có được trong sự tương tác với môi trường xung quanh, mô hình hóa, khái quát hóa những nhận thức sơ khai thành những lược đồ hình ảnh (image schema), từ đó hình thành nên ý niệm, và kết quả cuối cùng đó là ngôn ngữ. Evans & Green đã nhấn mạnh rằng: “...nghiệm thân với tư cách là nền tảng của tổ chức ý niệm, phải được phản ánh trong cấu trúc ngữ nghĩa, tức là trong các nghĩa gắn với từ và các đơn vị ngôn ngữ khác” (2006, tr.178). Và “...cấu trúc ngữ nghĩa phản ánh cấu trúc ý niệm và cấu trúc ý niệm bắt nguồn từ trải nghiệm hiện thân” (2006, tr.179).

Quá trình mở rộng và phát triển nghĩa của *nhà* và *jip* liên quan mật thiết đến những trải nghiệm hiện thân cụ thể đã phân tích ở trên, bắt đầu bằng sự trải nghiệm của các giác quan như: thị giác, xúc giác, phản ứng thần kinh của cơ thể đến những trải nghiệm mang tính tinh thần như: cảm giác an toàn, cảm giác bình yên, sự gắn bó, cảm giác thân thuộc,... mà con người có được trong quá trình tương tác với môi trường xung quanh. Rõ ràng, ngôn ngữ không chỉ là phương tiện của giao tiếp, mà ngôn ngữ là một kho tàng lưu trữ tri thức khổng lồ của con người, được truyền thụ từ thế hệ này sang thế hệ khác, đồng nghĩa với việc các ý niệm mới sẽ liên tục được kiến tạo. Qua những phân tích nêu trên, chúng ta có thể thấy rằng sự trải nghiệm của các giác quan, trải nghiệm của cảm xúc trở thành những mắc xích đầu tiên trong hành trình con người khám phá và tri nhận về thế giới xung quanh.

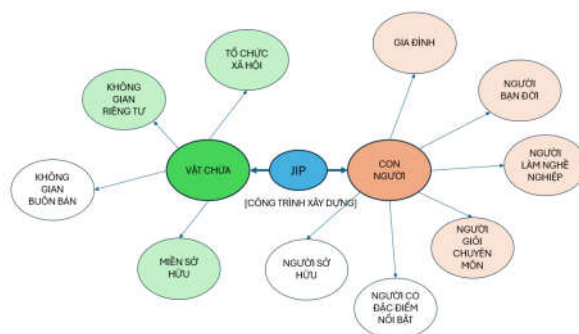
Thông qua các trải nghiệm hiện thân đã phân tích, chúng ta nhận ra có rất nhiều những sự nghiệm thân tương đồng nhau giữa Việt Nam và Hàn Quốc, bất chấp sự khác biệt về dân tộc, về địa lí môi trường tự nhiên, hình thành nhiều ý niệm mới bắt nguồn từ ý niệm cơ bản [CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG]: ý niệm [KHÔNG GIAN AN TOÀN, RIÊNG TƯ LÀ NHÀ/JIP], ý niệm [NHÀ/JIP ĐẠI DIỆN CHO GIA ĐÌNH], ý niệm [NHÀ/JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI BẠN ĐỜI], ý niệm [NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA MỘT LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN LÀ NHÀ/JIP], ý niệm [NHÀ/JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI CHUYÊN LÀM MỘT NGHỀ NGHIỆP], ý niệm [MIỀN SỞ HỮU, THUỘC VỀ LÀ NHÀ/JIP]. Cả hai ngôn ngữ Việt và Hàn đều bắt đầu quá trình chuyển di ý niệm từ ẩn dụ ý niệm [VẬT CHỨA LÀ NHÀ] và hoán dụ ý niệm [NHÀ ĐẠI DIỆN CHO CON NGƯỜI]. Từ đây, quá trình nghiệm thân không ngừng diễn ra để hình thành nên một phạm trù *nhà* và phạm trù *jip* với nhiều tầng lớp ý niệm, là sự kết tinh của quá trình nhận thức và tư duy của con người.

Trong quá trình kiến tạo nghĩa và hình thành nên phạm trù, con người sử dụng ngôn ngữ dưới sự tác động của các yếu tố văn hóa, địa lí và lịch sử dân tộc, hình thành nên những ý niệm có tính đặc thù riêng. Điều đó càng giúp khẳng định rằng: ngôn ngữ không phải là kết quả mang tính tự nhiên và mang tính võ đoán; và hoạt động tri nhận của con người tuy mang tính phổ quát nhưng các yếu tố khác biệt về môi trường sống, mô hình văn hóa và lịch sử phát triển của mỗi dân tộc lại là các biến số tạo nên các khác biệt thú vị trong quá trình mở rộng nghĩa của từ và hình thành ý niệm. Vì vậy, theo NNHTN, ngôn ngữ không phải là cánh cửa giúp con người bước ra thế giới, mà là cánh cửa để con người có thể tìm về bản ngã của mình, hiểu về cách mình tư duy và tri nhận thế giới.

Từ quá trình chuyển nghĩa và phát triển ngữ nghĩa của từ *nhà* và từ *jip* được phân tích ở trên, chúng tôi tiến hành mô hình hóa phạm trù *nhà* và phạm trù *jip* dưới dạng tỏa tia. Trong hai sơ đồ dưới đây, chúng tôi thể hiện màu sắc theo 2 nhánh phát triển lớn là: VẬT CHỨA và CON NGƯỜI. Chúng tôi nhận thấy trong tiếng Hàn, các ý niệm trong phân nhánh CON NGƯỜI phát triển mạnh hơn so với trong tiếng Việt và các ý niệm khác biệt trong hai ngôn ngữ Việt và Hàn được biểu thị bằng màu trắng.



Hình 2. Sơ đồ phạm trù tỏa tia của NHÀ



Hình 3. Sơ đồ phạm trù tỏa tia của JIP/GA

5.4. Vài suy nghĩ về những điểm tương đồng và khác biệt trong sự phát triển ngữ nghĩa của từ *nhà* trong tiếng Việt và từ *jip* trong tiếng Hàn

Chúng ta có thể luận giải sự tương đồng trong quá trình phát triển ý niệm của *nhà* và *jip* trước hết bắt nguồn từ những trải nghiệm nghiệm thân mang tính phổ quát của con người. Với tư cách là không gian cư trú sinh hoạt, *nhà* và *jip* đều gắn với trải nghiệm về sự che chở, sinh hoạt gia đình và cảm giác thuộc về. Từ những trải nghiệm đó, hai từ này cùng mở rộng nghĩa và tạo nên các ý niệm liên quan đến gia đình, con người và tổ chức xã hội. Bên cạnh đó, Việt Nam và Hàn Quốc đều là các quốc gia thuộc khu vực Đông Á, chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Đông, của chữ Hán và tư tưởng Nho giáo sâu sắc, nên tồn tại nhiều điểm tương đồng trong cách tri nhận về gia đình, cộng đồng và quan hệ xã hội, nghiên cứu cho rằng đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến sự gần gũi trong mạng lưới phát triển ý niệm của *nhà* và *jip*.

Bên cạnh những điểm tương đồng, quá trình phát triển ngữ nghĩa và hình thành nên phạm trù *nhà* và *jip* cũng thể hiện nhiều khác biệt gắn với đặc trưng văn hóa và cách tổ chức xã hội của mỗi cộng đồng ngôn ngữ. Trong tiếng Việt, phạm trù *nhà* có xu hướng mở rộng sang các ý niệm liên quan đến cộng đồng, dòng họ và tổ chức xã hội như: *nhà nước*, *nhà Lý*, *nhà Trần*,... Xu hướng này phản ánh đặc trưng văn hóa nông nghiệp, coi trọng tính cộng đồng và ý thức huyết thống của người Việt. Còn trong tiếng Hàn, phạm trù *jip* có xu hướng phát triển các ý niệm mang tính cá nhân, nghề nghiệp, đặc điểm hoặc năng lực nổi bật của cá nhân như: *이론가* – *nhà lý luận*, *건축가* – *nhà kiến trúc*, *장서가-người có nhiều sách*,... Như vậy, sự khác biệt trong mạng lưới phát triển ý niệm của *nhà* và *jip* phản ánh tính đặc thù văn hóa trong cách tri nhận và tổ chức kinh nghiệm sống của mỗi cộng đồng ngôn ngữ.

6. Kết luận

Kết quả phân tích của nghiên cứu này cho thấy sự phổ quát trong trải nghiệm hiện thân giúp định hình phạm trù *nhà* và phạm trù *jip* với sự ra đời của các ý niệm như: [KHÔNG GIAN AN TOÀN, RIÊNG TƯ LÀ NHÀ/ JIP], [MIỀN SỞ HỮU, THUỘC VỀ LÀ NHÀ/ JIP], [NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA MỘT LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN LÀ NHÀ/ JIP]; [NHÀ/ JIP ĐẠI DIỆN CHO GIA ĐÌNH], [NHÀ/ JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI BẠN ĐỐI], [NHÀ/ JIP ĐẠI DIỆN CHO NGƯỜI CHUYÊN LÀM MỘT NGHỀ NGHIỆP]. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng ghi nhận những khác biệt mang tính văn hóa - xã hội đặc thù như: *Nhà* tiếng Việt ánh xạ ý niệm [TRIỆU ĐÀI]. Điều này phản ánh cấu trúc xã hội truyền thống gắn chặt giữa huyết thống, quyền lực. Trong khi đó, *jip* tiếng Hàn lại phát triển ý niệm về [KHÔNG GIAN BUÔN BÁN]. Kết quả phân tích còn cho thấy *jip* trong tiếng Hàn có sự phát triển ý niệm mới đa dạng phong phú hơn *nhà* trong tiếng Việt ở các ý niệm liên quan đến [CON NGƯỜI]. *Jip* trong tiếng Hàn thường được dùng để chỉ [NGƯỜI SỞ HỮU], [NGƯỜI CÓ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT], trong khi *nhà* trong tiếng Việt không phóng chiếu lên những ý niệm này.

Như vậy, việc kết hợp nghiệm thân và sơ đồ phạm trù tỏa tia, bằng phương pháp lí giải nội suy đã cho phép nghiên cứu vừa nhận diện được các khuynh hướng ý niệm hóa phổ quát, vừa làm rõ những dị biệt văn hóa - tri nhận trong quá trình phát triển ngữ nghĩa của từ *nhà* và từ *jip*. Điều này góp phần khẳng định vai trò trung tâm của trải nghiệm hiện thân và bối cảnh văn hóa trong việc định hình cấu trúc đa nghĩa của từ, đồng thời mở ra hướng tiếp cận hiệu quả cho các nghiên cứu đối chiếu ngữ nghĩa tiếp theo. Phạm vi nghiên cứu còn giới hạn ở các đơn vị từ “*nhà*”, yếu tố “*gia*” và từ “*jip*”, yếu tố “*ga*”, chưa khảo sát đầy đủ mạng lưới các đơn vị từ vựng liên quan trong cùng trường nghĩa. Tuy nhiên, kết quả thu được mang tính gợi mở cho các nghiên cứu trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (2005), *Hán Việt từ điển*, Nxb Văn hóa thông tin.
2. Mai Thị Ngọc Anh (2014), *So sánh, đối chiếu chữ “nhà” (家) trong tiếng Hàn và tiếng Việt*, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, số 118(04), tr.103-107.
3. Hoàng Phê (Chủ biên) (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức.

4. Đặng Thị Hào Tâm, Tan Yuhui (2025), “Cấu trúc ý niệm 家 (nhà) trong tiếng Trung”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 9, tr.13-20.
5. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
6. Trần Tịnh Vy (2022), “Tìm hiểu khái niệm “nhà” trong nghiên cứu di trú”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, Vol 19. No.7, 1136-1147.
7. *Đại từ điển quốc ngữ Hàn Quốc* - trang từ điển trực tuyến chính thức của Viện Ngôn ngữ Quốc gia Hàn Quốc, cơ quan trực thuộc bộ Văn hóa Thể thao Du lịch Hàn Quốc (<http://www.korean.go.kr/>).

Tiếng nước ngoài

8. Evans & Green (2006), *Cognitive linguistics – an introduction*, Edinburgh Uni Press, Edinburgh.
9. G. Lakoff & M. Johnson (1980), *Metaphors we live by*, The University of Chicago Press.
10. Shin Hyeon Suk(신현숙) (1995), A Cognitive Model of Extensions on Form and Meaning of Korean Noun : cip ' house ', *Teaching Korean as a Foreign Language KLI*, Institute of Language Research and Education, Yonsei University, Vol.20(No.0) 1-32, 1995.

Semantic development of “Nhà” in Vietnamese and “Jip” (집) in Korean viewed from the perspectives of the embodied cognition and the radial category

Abstract: This study examines the semantic development of lexical items denoting *nhà* (“house/home”) in Vietnamese and *jip* (집) in Korean from the perspective of **embodied cognition** and the **radial category model**. In cognitive linguistics, meaning is understood not as an inherent property of linguistic forms, but as emerging from bodily experience, human interaction with physical space and the natural–social environment, and culturally shaped conceptualizations. Using data drawn from dictionaries, newspaper corpora, and everyday discourse, the study analyzes how meanings associated with “h/home” in both languages have expanded through processes of embodiment, metaphor, and metonymy. The semantic networks are then modeled in terms of radial category structures, revealing both shared patterns of conceptual extension and culturally specific developments in the two languages. The findings indicate that the categories of *nhà* and *jip* share several common conceptualizations, including [HOUSE/JIP AS A SAFE AND PRIVATE SPACE], [HOUSE/JIP REPRESENTING FAMILY], and [HOUSE/JIP REPRESENTING A PERSON ASSOCIATED WITH A PROFESSIONAL FIELD]. At the same time, each language also exhibits culture-specific semantic extensions. In Vietnamese, *nhà* further develops meanings such as [HOUSE REPRESENTING A DYNASTY] and [HOUSE REPRESENTING A PERSON WITH PROMINENT CHARACTERISTICS OR POSSESSIONS], whereas in Korean, *jip* prominently extends to the meaning [JIP REPRESENTING COMMERCIAL OR SERVICE SPACE]. These similarities and differences demonstrate both the universality of embodied experience in conceptual formation and the important role of socio-cultural factors in semantic development across languages.

Key words: Semantics; embodied cognition; radial category; nhà (Vietnamese); jip(집) (Korean).